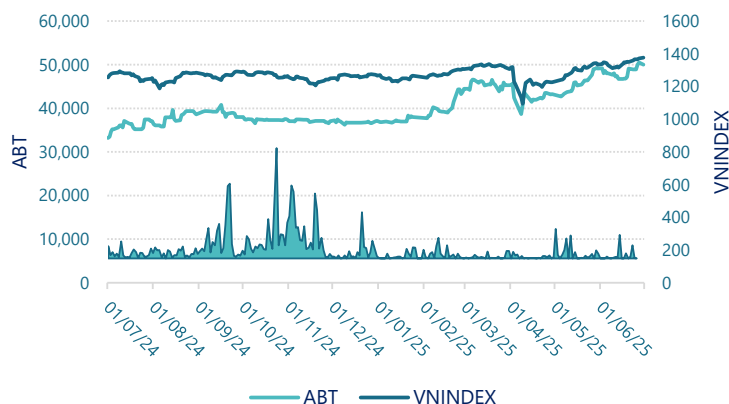


CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (HSX: ABT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	50,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	50,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,197
SL cổ phiếu LH	11,777,257
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,855
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	589
P/E	4.2
EPS	11,924

DT thuần

Q2/25

177

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0 | 8.2%

YoY: ▲ 18.0 | 11.6%

LN sau thuế

Q2/25

61.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.6 | 179%

YoY: ▲ 28.0 | 83.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

38.4%

+/- YoY: ▲ 14.7%

DT thuần

6T 2025

341

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0 | 21.6%

LN sau thuế

6T 2025

83.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.9 | 86.7%

ROE

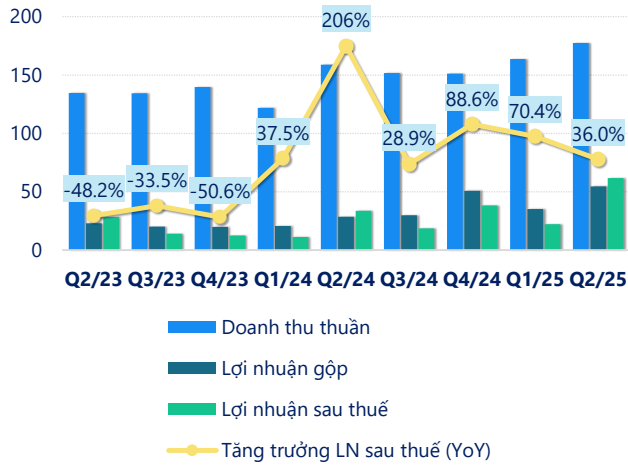
Q2/25

25.5%

+/- YoY: ▲ 10.9%

tỷ VNĐ

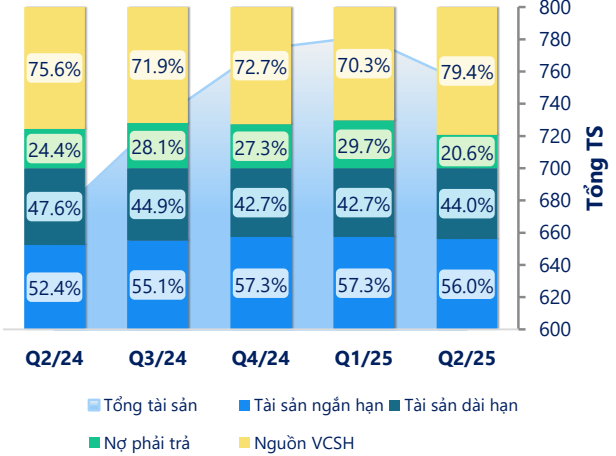
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

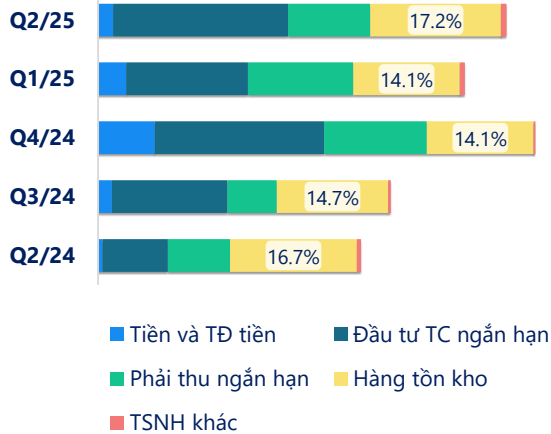
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



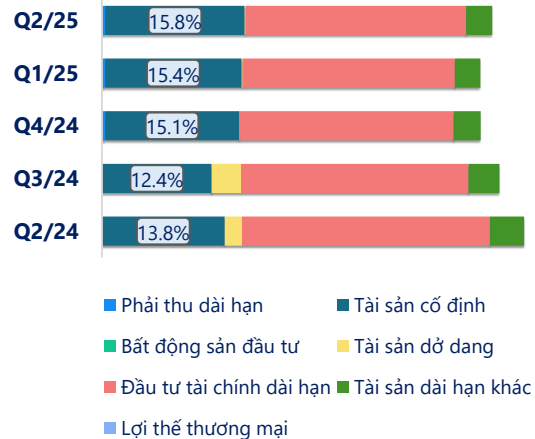
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

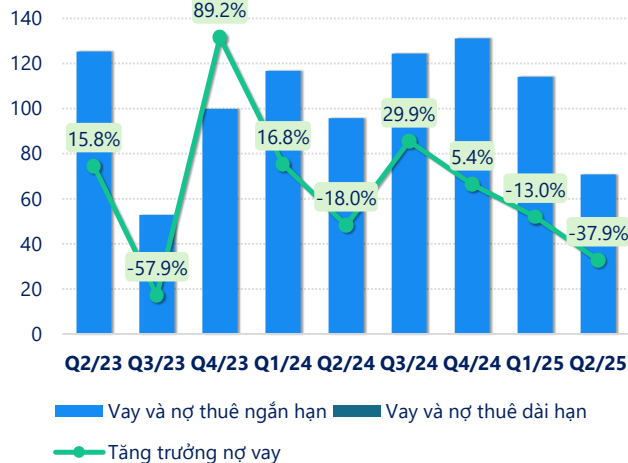
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

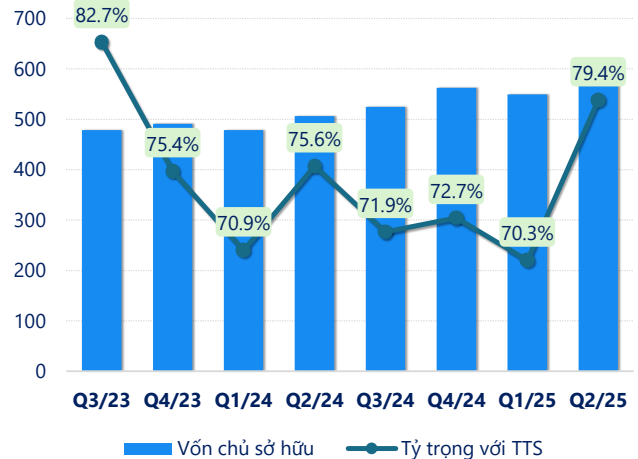
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

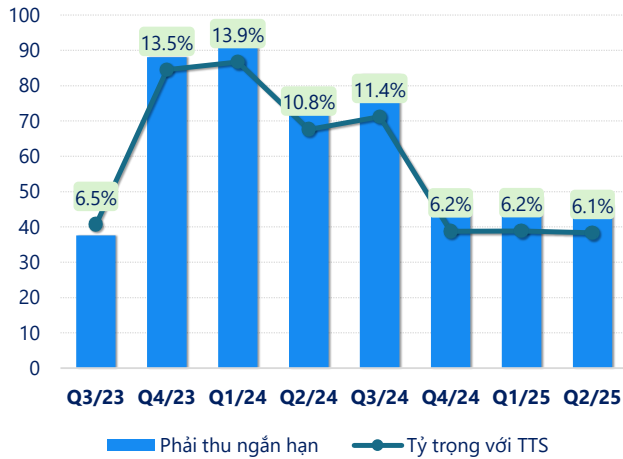
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

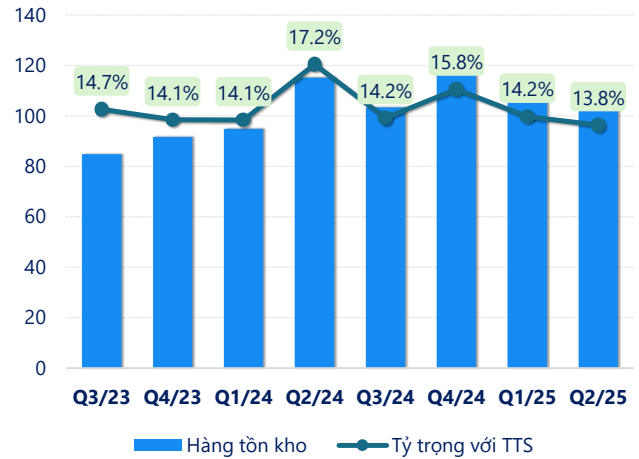
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

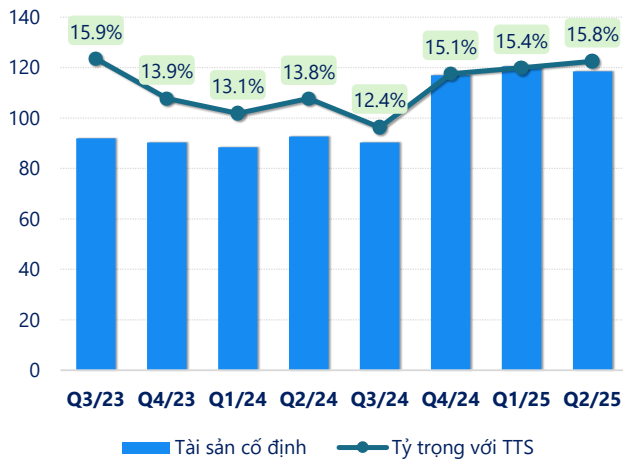
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

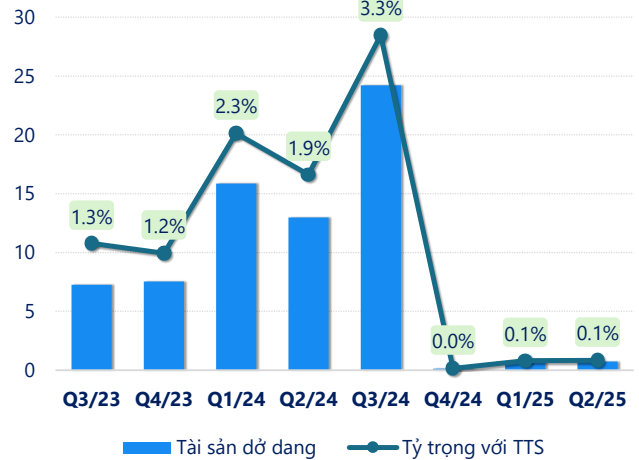
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

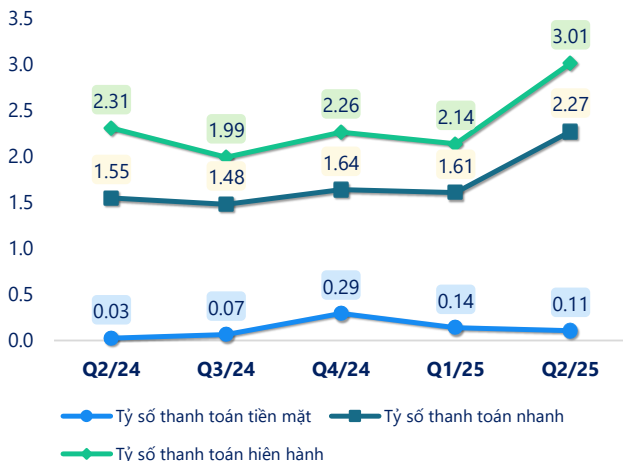
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



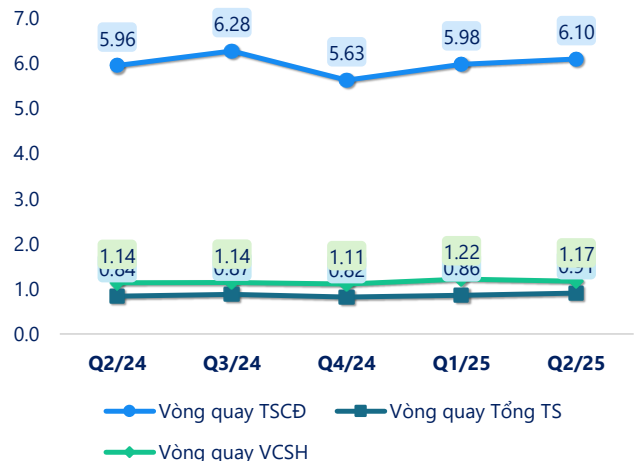
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	669	729	774	782	752
Tài sản ngắn hạn	350	402	443	448	421
Tiền và tương đương tiền	3.85	13.2	57.6	29.1	14.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	154	196	214	255	252
Phải thu ngắn hạn	72.4	83.1	48.0	48.6	46.1
Hàng tồn kho	115	103	122	111	104
Tài sản ngắn hạn khác	4.88	6.20	1.85	3.84	4.70
Tài sản dài hạn	319	327	331	334	331
Phải thu dài hạn	0	0	2.68	2.68	2.72
Tài sản cố định	92.7	90.3	117	121	119
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.0	24.2	0.14	0.74	0.73
Đầu tư tài chính dài hạn	187	187	187	187	187
Tài sản dài hạn khác	25.9	25.4	23.6	22.6	22.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	163	205	211	232	155
Nợ ngắn hạn	152	202	196	209	140
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.7	124	131	114	70.8
Phải trả người bán ngắn hạn	16.7	20.2	13.1	23.1	14.5
Nợ dài hạn	11.3	2.96	15.3	22.8	15.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	506	524	563	549	597
Vốn chủ sở hữu	506	524	563	549	597
Vốn điều lệ	144	144	144	144	144
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)